

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **3040**/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **26** tháng **12** năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020

58  
02/01/2019  
07/ Văn

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 225/TTr-VPĐP ngày 14/12/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí và Quy định trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí và ban hành hồ sơ xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện tiêu chí tại các địa phương; tham mưu UBND tỉnh phân công thành viên Ban chỉ đạo tỉnh theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ một số thôn, bản chỉ đạo điểm xây dựng nông thôn mới.

2. Các Sở, ban ngành liên quan phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí do Sở, ban ngành mình phụ trách; chỉ đạo, hỗ trợ lồng ghép nguồn lực cho các địa phương thực hiện các tiêu chí, đưa vào kế hoạch hoạt động hàng năm của đơn vị.

3. Chủ tịch UBND các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng chỉ đạo các xã lựa chọn thôn, bản để thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện, giám sát, kiểm tra, đôn đốc các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /



**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**



**BỘ TIÊU CHÍ**

**Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã hải ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3040/QĐ-UBND** ngày **26** tháng **12** năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK theo Quyết định 1385/QĐ-TTg	Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK còn lại
<b>I</b>	<b>Cơ sở hạ tầng</b>			
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn, bản: ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥65% (≥40% bê tông hóa)	≥85% (≥60% bê tông hóa)
		1.2. Đường ngõ, xóm: tỷ lệ đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	≥80%	≥90%
		1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥50%	≥60%
2	Thủy lợi	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt
3	Điện	3.1. Hệ thống điện trên địa bàn thôn, bản đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ người dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn	≥95%	≥98%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK theo Quyết định 1385/QĐ-TTg	Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK còn lại
5	Thông tin – Truyền thông	5.1. Có hệ thống loa được kết nối với đài truyền thanh xã (hữu tuyến hoặc vô tuyến) hoạt động tốt, thường xuyên cung cấp thông tin đến người dân trong thôn, bản	Đạt	Đạt
		5.2. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản có phương tiện nghe, nhìn để tiếp cận thông tin	≥85%	≥90%
6	Nhà ở dân cư	6.1. Không còn nhà tạm, dột nát	Đạt	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; diện tích đạt từ 10m <sup>2</sup> /người trở lên; niên hạn sử dụng công trình từ 20 năm trở lên)	≥75%	≥80%
<b>II</b>	<b>Kinh tế và tổ chức sản xuất</b>			
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người/năm)	Năm 2019: 22 Năm 2020: 25	Năm 2019: 23 Năm 2020: 26
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội, do bệnh hiểm nghèo, do tai nạn rủi ro bất khả kháng)	≤15%	≤12%
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥85%	≥90%
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, xã theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK theo Quyết định 1385/QĐ-TTg	Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK còn lại
<b>III</b>	<b>Xã hội - Văn hóa - Môi trường</b>			
11	Giáo dục	11.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1; trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào trung học cơ sở	≥90%	≥95%
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề)	≥80%	≥85%
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥35%	≥40%
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	≥90%
		12.2. Có nhân viên y tế thôn, bản thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao và được đào tạo theo Chương trình do Bộ Y tế quy định	Đạt	Đạt
		12.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,2%	≤24,2%
13	Văn hóa	13.1. Có quy ước, hương ước được xây dựng, công nhận và tổ chức thực hiện theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Đạt	Đạt
		13.2. Tỷ lệ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	≥80%	≥85%
		13.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “khu dân cư văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK theo Quyết định 1385/QĐ-TTg	Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK còn lại
14	Môi trường	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	≥80%	≥90%
		14.2. Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường	Đạt	Đạt
		14.3. Có tổ/nhóm thu gom rác thải; có điểm thu gom/trung chuyển rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	Đạt
		14.4. Chất thải rắn trên địa bàn thôn và nước thải khu dân cư được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt
		14.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh	≥65%	≥70%
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥90%
		14.7. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%
15	Hệ thống chính trị	15.1. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt
		15.2. Chi bộ đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”	Đạt	Đạt
		15.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên	Đạt	Đạt
		15.4. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
			Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK theo Quyết định 1385/QĐ-TTg	Thôn, bản thuộc các xã ĐBKK còn lại
16	An ninh trật tự	16.1. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án	Đạt	Đạt
		16.2. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	Đạt	Đạt
17	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	17.1. Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt	Đạt
		17.2. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn, được UBND xã xác nhận, được lập theo phương án có sự tham gia của cộng đồng	Đạt	Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**

**Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển triển khai xây dựng thôn, bản nông thôn mới giai đoạn 2019-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **3040**/QĐ-UBND ngày **26** tháng **12** năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

TT	Tên huyện	Tên xã
<b>A</b>	<b>Các xã đặc biệt khó khăn thuộc Đề án theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ (10 xã)</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>	
1		Xã Hướng Lập
2		Xã A Dơi
3		Xã Hướng Phùng
4		Xã Thanh
5		Xã Ba Tầng
<b>II</b>	<b>Huyện Đakrông</b>	
1		Xã A Bung
2		Xã A Ngo
3		Xã A Vao
4		Xã Tà Long
5		Xã Ba Nang
<b>B</b>	<b>Các xã đặc biệt khó khăn còn lại (29 xã)</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>	
1		Xã A Xing
2		Xã Húc
3		Xã Hướng Sơn
4		Xã Hướng Lộc
5		Xã Xy
6		Xã Hướng Tân
7		Xã Hướng Việt
8		Xã Hướng Linh
9		Xã A Túc
10		Xã Thuận
<b>II</b>	<b>Huyện Đakrông</b>	
1		Xã Húc Nghi
2		Xã Hướng Hiệp
3		Xã Đakrông
4		Xã Tà Rụt



<b>TT</b>	<b>Tên huyện</b>	<b>Tên xã</b>
<b>III</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>	
1		Xã Linh Thượng
2		Xã Trung Giang
3		Xã Gio Việt
4		Xã Gio Hải
5		Xã Gio Mai
6		Xã Vĩnh Trường
<b>IV</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>	
1		Xã Vĩnh Ô
2		Xã Vĩnh Khê
3		Xã Vĩnh Thái
<b>V</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>	
1		Xã Hải An
2		Xã Hải Khê
<b>VI</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>	
1		Xã Triệu Vân
2		Xã Triệu An
3		Xã Triệu Lăng
4		Xã Triệu Độ

**QUY ĐỊNH**

**Trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3040~~/QĐ-UBND ngày ~~26~~ tháng ~~12~~ năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 và Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ được phân thành 02 nhóm:

- Các thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn còn lại.

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong quá trình xét công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các thôn, bản sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

**Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố**

Chủ tịch UBND cấp huyện xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

**Điều 4. Điều kiện công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện:

a) Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn theo quy định

b) Không có huy động quá sức dân và đảm bảo sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới

## Chương II

### TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

#### **Điều 5. Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

1. Trước ngày 10/01 của năm đăng ký đạt chuẩn, Ban phát triển thôn, bản có văn bản đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới báo cáo UBND xã kèm theo phương án xây dựng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2. UBND xã kiểm tra và có văn bản đề nghị UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn, bản có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

3. UBND cấp huyện có văn bản trả lời UBND xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; có văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để đưa vào kế hoạch hỗ trợ thực hiện.

#### **Điều 6. Công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

Trình tự, thủ tục công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới gồm các bước:

1. Ban phát triển thôn, bản tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới đề nghị UBND xã tổ chức thẩm tra.

2. UBND xã tổ chức thẩm tra, đề nghị UBND cấp huyện xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

#### **Điều 7. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

1. Tổ chức tự đánh giá và lấy ý kiến:

a) Ban phát triển thôn, bản tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí thôn, bản.

b) Ban phát triển thôn xây dựng cáo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới; tiến hành thông báo, công khai tại Nhà văn hóa và trên hệ thống loa phát thanh thôn, bản trong thời gian 05 ngày để lấy ý kiến tham gia của người dân.

c) Ban công tác mặt trận thôn, bản tổ chức họp thôn, bản để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, yêu cầu cuộc họp phải có từ 80% trở lên đại diện hộ dân trong thôn, bản tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

2. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ban phát triển thôn, bản hoàn thiện báo cáo theo ý kiến tham gia của người dân; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các hộ dân tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND xã.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn, gồm:

- Văn bản đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới;
- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn, bản;
- Biên bản họp thôn.

**Điều 8. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

1. Tổ chức thẩm tra và lấy ý kiến:

a) UBND xã thành lập Tổ thẩm tra (gồm đại diện Ban chỉ đạo xã, Ban quản lý nông thôn mới xã, cán bộ phụ trách nông thôn mới, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các tiêu chí và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội của xã) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí thôn, bản nông thôn mới.

b) UBND xã tổng hợp danh sách các thôn, bản đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, công bố trên hệ thống truyền thanh xã trong thời gian 05 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn xã.

c) Mặt trận Tổ quốc xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn, bản đối với việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ban chỉ đạo nông thôn mới xã tổ chức họp thảo luận, thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn đã đủ điều kiện (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt); UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của thôn, bản được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình UBND cấp huyện.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn, gồm:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới;

- Báo cáo về việc thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới của từng thôn;

- Biên bản cuộc họp của Ban chỉ đạo xã;

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn, bản đối với việc công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

*(Kèm theo hồ sơ của thôn, bản được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định này).*

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

## **Điều 9. Tổ chức thẩm định, xét công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới**

### **1. Tổ chức thẩm định:**

UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới) để thẩm định hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, bản được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng thôn, bản của từng xã, báo cáo UBND cấp huyện.

### **2. Tổ chức xét, công nhận:**

a) Ban chỉ đạo nông thôn mới cấp huyện tổ chức họp để thảo luận, bỏ phiếu lấy ý kiến thống nhất việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn, bản (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới để trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định khi số phiếu thống nhất đạt tỷ lệ 90% trở lên.

b) Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới gồm:

- Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện về việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới;

- Biên bản họp xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới của Ban chỉ đạo cấp huyện;

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới.

*(Kèm theo hồ sơ của UBND xã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy định này).*

## **Điều 10. Tổ chức công bố**

a) Chủ tịch UBND cấp huyện công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên đài phát thanh, trang thông tin điện tử của huyện.

b) Lễ công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới do UBND xã thực hiện trên địa bàn thôn, bản được công nhận, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương. Thời hạn tổ chức công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận.

## **Điều 11. Lưu trữ hồ sơ**

Sau khi có quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; UBND cấp huyện gửi hồ sơ xét, công nhận về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để theo dõi (gồm: hồ sơ của thôn, bản được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7; hồ sơ của UBND xã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và hồ sơ của cấp huyện được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này).

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Khen thưởng, kinh phí**

1. Hàng năm, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng đối với các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới có thành tích tiêu biểu.

2. Kinh phí khen thưởng được trích từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

#### **Điều 13. Trách nhiệm thi hành**

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới; hướng dẫn các hồ sơ liên quan đến công tác xét, công nhận; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh kết quả thực hiện tiêu chí thôn, bản nông thôn mới;

- Phối hợp với Ban chỉ đạo huyện, UBND các huyện và các xã chỉ đạo, hướng dẫn thôn, bản thực hiện tiêu chí nông thôn mới và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định này;

- Tổng hợp, trình UBND tỉnh hỗ trợ các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm theo cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định quy định về khen thưởng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Ban chỉ đạo huyện và UBND các huyện thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương hoàn thành các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới theo Quy định này;

- Lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ các thôn, bản có đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch.

3. Ban chỉ đạo huyện, UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện chủ động triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Ban chỉ đạo cấp huyện chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức triển khai thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới; phân công nhiệm vụ cho các ban, ngành thành viên phụ trách các thôn, bản trên địa bàn huyện; chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới;

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các thôn, bản; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh); phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn (phụ trách tiêu chí nông thôn mới) có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hướng dẫn UBND các xã tổ chức thực hiện;

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện: Tham mưu cho UBND huyện cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng thôn, bản nông thôn mới; phối hợp với các phòng, ban cấp huyện, tham mưu Ban chỉ đạo huyện, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các phòng, ban có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định;

- Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định đó.

4. Ban chỉ đạo xã, UBND xã: Huy động các nguồn lực hỗ trợ thôn, bản xây dựng nông thôn mới; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện và thẩm tra mức độ đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của các thôn, bản trên địa bàn.

5. Ban Phát triển thôn, bản: Tổ chức họp dân để thống nhất đăng ký xây dựng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới với UBND xã; xây dựng phương án và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; báo cáo kết quả thực hiện với Ban chỉ đạo xã, UBND xã; tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc; các đơn vị, địa phương kiến nghị với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp tình hình thực tế./

*JK*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**